

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ B  
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: **26/2021/HNGĐ-ST**

Ngày 28-10-2021

*“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ B, TỈNH ĐẮK LẮK**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:** Ông Cao Anh Tuấn.

**- Các Hội thẩm nhân dân:** Ông Bùi Ngọc Khánh và bà Nguyễn Thị Quỳnh Hải.

**Thư ký phiên tòa:** Ông Thiều Sỹ Vững – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

**Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thị xã B tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Cẩm Vân – Kiểm sát viên.

Ngày 28/10/2021, tại phòng xử án Tòa án nhân dân thị xã B mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 40/2021/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2021, về việc *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”*, theo quyết định đưa vụ án ra xét số 06/2021/QĐST- HNGĐ ngày 12/3/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2021/QĐST-HNGĐ ngày 02/4/2021, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Bùi Thị Kim O, sinh năm 1996; địa chỉ: Số 45 Trương Vĩnh K, tổ dân phố H, phường T, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. (có đơn xét xử vắng mặt)

**- Bị đơn:** Anh Nguyễn Đình C, sinh năm 1989; địa chỉ: Số 29 Lý Chiêu H, tổ dân phố H, phường T, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. (vắng mặt không có lý do)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo nội dung đơn khởi kiện đề và các lời khai tại các buổi làm việc, nguyên đơn chị Bùi Thị Kim O trình bày:*

- Về hôn nhân: Tôi và anh Nguyễn Đình C kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn vào ngày 18 tháng 7 năm 2014 tại Ủy ban nhân dân phường T, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. Trong quá trình chung sống thì thời gian đầu vợ chồng sống chung hạnh phúc, nhưng đến đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do quan điểm sống không hợp nhau dẫn đến vợ chồng thường xuyên xích mích cãi vã nhau, sống không hạnh phúc, đến tháng 03/2018 thì vợ chồng đã sống ly thân từ đó cho đến nay, không còn sống chung với nhau nữa. Đến nay mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài. Mục đích hôn nhân

không đạt được. Xét thấy tình cảm không còn nên tôi đề nghị Tòa án nhân dân thị xã B giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Nguyễn Đình C.

Về con chung: Có 01 con chung là cháu Nguyễn Nữ Hoài D, sinh ngày 01/01/2015, khi ly hôn chị O có nguyện được nuôi dưỡng, chăm sóc con chung cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị O không yêu cầu anh C cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Anh Nguyễn Đình C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án để tham gia tố tụng.*

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã B phát biểu ý kiến về tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị Bùi Thị Kim O được ly hôn với anh Nguyễn Đình C. Về con chung giao con chung cháu Nguyễn Nữ Hoài D, sinh ngày 01/01/2015 cho chị Bùi Thị Kim O trực tiếp trông nom, chăm sóc và nuôi dưỡng cháu D đến tuổi trưởng thành, ghi nhận chị O không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: Chị O không yêu cầu Tòa án giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Sau khi nghiên cứu xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

**[1] Về khởi kiện và thụ lý vụ án:** Ngày 24/02/2021 Tòa án nhân được đơn khởi kiện của chị Bùi Thị Kim O, ngày 17/3/2021 Tòa án thụ lý việc khởi kiện của chị O là đúng trình tự thủ tục theo Điều 191, Điều 195 Bộ luật tố tụng dân sự.

**[2] Về thẩm quyền giải quyết:** Đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã B theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

**[3] Về trình tự thủ tục tố tụng:** Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bị đơn anh Nguyễn Đình C không chấp hành theo giấy triệu tập, không lên Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nên Tòa án giải quyết vụ án theo những căn cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Tòa án đưa vụ án ra xét xử, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn vắng mặt nên phải hoãn phiên tòa và ấn định xét xử lại ngày 28/10/2021 nhưng bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn; Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên HĐXX xét xử vắng mặt nguyên đơn là phù hợp với khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

**[4] Về quan hệ hôn nhân:** Chị Bùi Thị Kim O, anh Nguyễn Đình C có đăng ký kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, vào ngày 18 tháng 7 năm 2014 tại Ủy ban nhân dân phường T, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, chị O cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do quan điểm sống không hợp nhau, dẫn đến vợ chồng thường xuyên xích mích cãi vã nhau, sống không hạnh phúc, đến tháng 03/2018 thì vợ chồng đã sống ly thân từ đó cho đến nay, không còn sống chung với nhau nữa. Xét thấy mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm không còn nên bà O đề nghị Tòa án nhân dân thị xã B giải quyết cho ly hôn với anh Nguyễn Đình C. Tại biên bản xác minh ngày 23/6/2021 tại chính quyền địa phương thì xác định gia đình chị O, anh C có mâu thuẫn từ đầu năm 2018, nguyên nhân cụ thể như thế nào chính quyền địa phương không biết. Anh C, chị O đã sống ly thân từ tháng 03/2018 cho đến nay. Như vậy, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Bùi Thị Kim O, anh Nguyễn Đình C đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cho chị Bùi Thị Kim O và anh Nguyễn Đình C ly hôn là phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

**[5] Về con chung:** Trong quá trình chung sống anh Nguyễn Đình C, chị Bùi Thị Kim O có 01 con chung là cháu Nguyễn Nữ Hoài D, sinh ngày 01/01/2015. Hiện nay cháu Nguyễn Nữ Hoài D đang ở với chị O, Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu Nguyễn Nữ Hoài D, sinh ngày 01/01/2015 cho chị O trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ tuổi thành niên là bảo đảm quyền lợi về mọi mặt của cháu D. Anh Nguyễn Đình C có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở là phù hợp với Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

**[5.2] Về cấp dưỡng nuôi con chung:** Chị O không yêu cầu, nên HĐXX không xem xét giải quyết.

**[5] Về tài sản chung và nợ chung:** Chị O không yêu cầu, nên HĐXX không xem xét giải quyết.

**[6] Về án phí:** Chị O phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

**Vì các lẽ trên;**

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144, 147, 191, 195; khoản 2 điều 227; khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

#### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Chị Bùi Thị Kim O được quyền ly hôn với anh Nguyễn Đình C.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Nữ Hoài D, sinh ngày 01/01/2015 cho chị Bùi Thị Kim O trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Anh Nguyễn Đình C có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị O không yêu cầu, nên HĐXX không xem xét giải quyết.

4. Về tài sản chung và công nợ chung: Chị O không yêu cầu, nên HĐXX không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Chị Bùi Thị Kim O phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2019/0018152 ngày 16/3/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND thị xã B;
- UBND P. Thống nhất;
- Chi cục THA dân sự Tx. B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Cao Anh Tuấn**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN  
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Cao Anh Tuấn**